

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐỐI VỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC BẢO TỒN CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

LÊ THỊ NHUẬN(*)

ĐINH THỊ HOÀNG PHƯƠNG(**)

Phân loại ngành: Sử học - Khảo cổ học - Dân tộc học/Nhân học

Tóm tắt: Bài viết này phân tích tác động của việc thực hiện chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tại vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng (cũ). Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, khảo sát bảng hỏi đối với 398 hộ dân tộc thiểu số tại các huyện Đơn Dương, Di Linh và Bảo Lâm, kết hợp với 12 cuộc PVS đối với cán bộ địa phương, nghệ nhân và người dân tham gia hoạt động bảo tồn văn hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc triển khai chính sách dân tộc đã góp phần phục hồi và duy trì nhiều hoạt động văn hóa truyền thống như truyền dạy công chiêng, phục dựng lễ hội, bảo tồn nghề thủ công truyền thống và phát triển du lịch. Tuy nhiên, tác động của chính sách diễn ra chưa đồng đều giữa các lĩnh vực văn hóa và giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số và các nhóm tuổi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách dân tộc đối với vùng dân tộc thiểu số tại tỉnh Lâm Đồng.

Từ khóa: Bảo tồn di sản văn hóa; Chính sách dân tộc; Chính sách văn hóa; Dân tộc thiểu số; tỉnh Lâm Đồng.

IMPACTS OF THE IMPLEMENTATION OF ETHNIC MINORITY POLICIES ON ETHNIC MINORITY AREAS IN LAM DONG PROVINCE IN THE FIELD OF PRESERVATION OF TRADITIONAL CULTURAL VALUES

Abstract: This article examines the impact of the implementation of ethnic policy on the preservation of traditional cultural values among ethnic minority communities in former Lam Dong Province. The study utilizes secondary document analysis and questionnaire surveys for 398 ethnic minority households in Don Duong, Di Linh, and Bao Lam districts, along with 12 in-depth interviews with local officials, artisans, and people engaged in cultural preservation. The findings indicate that the implementation of ethnic policies has contributed to the restoration and maintenance of various traditional cultural practices, including the transmission of gong culture, the revival of traditional festivals, the preservation of traditional crafts, and the integration of cultural preservation with tourism development. However, the effects of this policy remain uneven across cultural sectors, among different ethnic minority communities and age groups. Based on these results, the study proposes several policy recommendations to enhance the effectiveness of the implementation of ethnic policy for ethnic minority communities in Lam Dong Province.

Keywords: Cultural heritage preservation; Cultural policy; Ethnic minorities; Ethnic policies; Lam Dong province.

Ngày nhận bài: 15/01/2026; Ngày gửi phản biện: 16/01/2026; Ngày sửa chữa: 08/4/2026; Ngày duyệt đăng bài: 10/4/2026.

(*), (**) Trường Đại học Đà Lạt.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa Việt Nam nói chung, văn hóa các dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với xu hướng hội nhập và phát triển, các luồng văn hóa khác nhau thâm nhập vào đời sống xã hội ở các vùng DTTS, có tác động đáng kể đến văn hóa truyền thống của người DTTS. Do đó, việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của các DTTS được nhìn nhận như một định hướng có tính chiến lược, đòi hỏi sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cộng đồng và các chủ thể liên quan. Vì vậy, thực hiện tốt chính sách dân tộc sẽ góp phần vào việc bảo vệ kho tàng di sản văn hóa đặc sắc của cộng đồng các DTTS. Kết quả của các chính sách dân tộc gần đây nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đã góp phần nâng cao đời sống xã hội, làm phong phú đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của các DTTS và thúc đẩy sự phát triển chung của địa phương.

Lâm Đồng (cũ) có dân số 1.332.532 người với 47 dân tộc cùng sinh sống, trong đó người DTTS chiếm 24,1% dân số toàn tỉnh (Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2023). Các DTTS tại Lâm Đồng vẫn lưu giữ được nhiều loại hình văn hóa truyền thống như Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, lễ hội truyền thống, nghề dệt thổ cẩm, đan lát và tri thức dân gian (Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 2021). Tuy nhiên, quá trình hội nhập, xen cư và giao lưu văn hóa cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc duy trì và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống trong từng cộng đồng DTTS.

Từ năm 2010 đến nay, các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án và chính sách của trung ương và địa phương đã dành sự quan tâm cho hoạt động bảo tồn văn hóa vùng DTTS. Việc triển khai các chính sách này bước đầu tạo điều kiện cho một số giá trị văn hóa truyền thống được duy trì, phục hồi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tập trung phân tích những tác động của việc thực hiện chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng thông qua khảo sát 398 hộ DTTS tại các huyện Đơn Dương, Di Linh và Bảo Lâm, kết hợp với 12 cuộc phỏng vấn sâu (PVS) và phân tích tài liệu thứ cấp. Nghiên cứu hướng đến trả lời các câu hỏi: (1) Những chính sách nào đang được triển khai trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa vùng DTTS tại Lâm Đồng?; (2) Người DTTS và các chủ thể ở địa phương đánh giá như thế nào về những thay đổi gắn với chính sách này?; (3) Những hạn chế trong thực hiện chính sách bảo tồn văn hóa truyền thống tại địa phương như thế nào? Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá tác động của chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống ở vùng DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, tập trung vào các khía cạnh như bảo tồn nghề thủ công truyền thống, phục dựng lễ hội, truyền dạy cồng chiêng, bảo tồn tiếng nói - chữ viết DTTS, xây dựng thiết chế văn hóa và phát triển du lịch. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng trong những năm tiếp theo.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong Điều 5, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc” (Quốc hội, 2013). Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là một hệ thống các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc, trong đó có sự quan tâm đến các DTTS có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp (Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, 2018). Gắn với chính sách dân tộc, bảo tồn văn hóa được xem là một nội dung quan trọng nhằm duy trì và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống của người DTTS qua nhiều thế hệ. Theo khoản 2 Điều 3 Luật Di sản văn hóa năm 2024, “bảo tồn di sản văn hóa là hoạt động nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại lâu dài, ổn định của di sản văn hóa theo dạng thức vốn có của di sản văn hóa” (Quốc hội, 2024).

Về bảo tồn văn hóa dựa vào cộng đồng (*community-based cultural preservation*), cách tiếp cận này xem cộng đồng là chủ thể trung tâm trong việc duy trì, thực hành, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Theo Nguyễn Thị Hiền (2022), một số văn bản dưới luật ban hành gần đây đã cho thấy xu hướng chuyển dịch từ cách tiếp cận quản lý di sản mang tính hành chính sang hướng tăng cường tham vấn và sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động bảo tồn di sản (Nguyễn Thị Hiền, 2022). Đây cũng là cơ sở để nghiên cứu vận dụng cách tiếp cận bảo tồn dựa vào cộng đồng trong phân tích tác động của việc thực hiện chính sách bảo tồn văn hóa tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng.

Từ việc nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong bảo tồn văn hóa, các nghiên cứu gần đây mở rộng thảo luận sang vấn đề quản trị di sản, cơ chế phối hợp nhiều chủ thể và mối quan hệ giữa bảo tồn với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Từ thập niên 1990, việc vận dụng cách tiếp cận kinh tế học vào bảo tồn di sản được chú ý nhiều hơn, đặc biệt trong các thảo luận về sự cân bằng giữa bảo tồn, phát triển, quản trị địa phương và sự tham gia của cộng đồng. Những vấn đề như hòa nhập xã hội, đa dạng văn hóa, cơ chế ra quyết định và vai trò của cộng đồng địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa và kinh tế thị trường đã góp phần hình thành hướng tiếp cận bảo tồn di sản theo quan điểm phát triển bền vững (Phạm Quỳnh Phương, 2022). Trong nghiên cứu này, quản trị và phát huy di sản văn hóa được tiếp cận theo hướng nhấn mạnh sự phối hợp giữa Nhà nước, cộng đồng và các chủ thể trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng.

Việc đánh giá tác động chính sách trong nghiên cứu này được thực hiện dựa trên căn cứ pháp lý về tác động chính sách. Tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có quy định: “Tác động về xã hội của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống...” (Chính phủ, 2016). Quy định này là cơ sở pháp lý để xác định bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống là một trong những nội dung cần xem xét khi đánh giá tác động xã hội của chính sách dân tộc.

Theo tác giả Nguyễn Thị Thái Lan (2021), “đánh giá tác động về xã hội đối với chính sách dân tộc nhằm chỉ ra những tác động và ảnh hưởng của chính sách đến việc thực hiện quyền của các nhóm DTTS, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng và cùng phát triển. Điều này được thể hiện trong mục tiêu của Chính phủ về thu hẹp dần khoảng cách mức sống, thu nhập giữa người DTTS với các nhóm dân cư khác, đồng thời duy trì và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc...” (Nguyễn Thị Thái Lan (chủ biên), 2021). Kế thừa cách tiếp cận này, bài viết tập trung phân tích tác động của chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa thông qua các biểu hiện như hoạt động trao truyền liên thế hệ, duy trì không gian văn hóa và mối liên hệ giữa bảo tồn văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng.

Theo nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hòa (2013), “việc đánh giá chính sách được xem xét thông qua các nội dung: Đánh giá đầu vào: đánh giá và đo lường các nguồn lực phục vụ thực hiện chính sách như nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và thông tin phục vụ triển khai chương trình, dự án. Đánh giá đầu ra: xem xét những kết quả trực tiếp do chương trình, dự án tạo ra thông qua các chỉ báo cụ thể” (Nguyễn Hữu Hải, Lê Văn Hòa, 2013).

Như vậy, các nghiên cứu trước đã làm rõ vai trò của chính sách bảo tồn văn hóa, ảnh hưởng của chính sách đối với việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá tác động của việc thực hiện chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa tại tỉnh Lâm Đồng.

Dựa trên cách tiếp cận của Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hòa (2013), nghiên cứu này xây dựng khung phân tích gồm bốn thành tố: (1) đầu vào chính sách; (2) quá trình triển khai; (3) kết quả đầu ra; (4) tác động đối với cộng đồng thụ hưởng. Theo đó, đầu vào chính sách bao gồm hệ thống văn bản, chương trình, dự án, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và các cơ chế hỗ trợ của trung ương và địa phương. Kết quả đầu ra được phản ánh qua việc duy trì và gia tăng các hoạt động văn hóa, mức độ tham gia của cộng đồng và hoạt động trao truyền di sản. Từ đó, tác động của chính sách được xem xét thông qua những thay đổi trong nhận thức, sự tham gia và khả năng duy trì các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các DTTS.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này được kế thừa từ đề tài khoa học cấp tỉnh Lâm Đồng: “Giải pháp thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc về văn hóa - xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”, thực hiện năm 2024.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp điều tra, phương pháp PVS và phương pháp phân tích nguồn tài liệu thứ cấp.

Đối với phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu thực hiện khảo sát 398 hộ gia đình người DTTS tại các huyện Đơn Dương, Di Linh và Bảo Lâm trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2024. Trên cơ sở phân vùng phát triển kinh tế của tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg, nghiên cứu lựa chọn mỗi tiểu vùng một huyện có sự hiện diện của DTTS tại chỗ và DTTS di cư. Trong mỗi huyện, nghiên cứu tiếp tục lựa chọn 02 xã gồm một xã có đông người DTTS tại chỗ và một xã có đông người DTTS di cư nhằm bảo đảm tính đa dạng của mẫu khảo sát. Cỡ mẫu được xác định theo công thức Slovin với sai số cho phép 5%, dựa trên tổng số 67.242 hộ gia đình thuộc 6 DTTS có dân số đông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng gồm Cơ Ho, Chu Ru, Mạ, Tày, Nùng và Hoa, theo số liệu thống kê năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. Mẫu khảo sát được phân bố theo phương pháp tỉ lệ thuận dựa trên cơ cấu hộ gia đình của các dân tộc. Do đó, số lượng mẫu giữa các dân tộc không đồng đều và phản ánh tương đối cơ cấu dân cư của địa bàn nghiên cứu. Phiếu khảo sát được thiết kế theo dạng câu hỏi đóng kết hợp thang đo mức độ nhằm thu thập ý kiến của người dân về những thay đổi trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với quá trình triển khai chính sách dân tộc. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả, bảng chéo (Crosstab) và kiểm định Chi-square để phân tích xu hướng đánh giá của người dân và sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc, nhóm tuổi đối với tác động của chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống. Đây là nghiên cứu mô tả dựa trên dữ liệu khảo sát, không được thiết kế theo hướng nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá tác động của chính sách. Do đó, kiểm định Chi-square chỉ được sử dụng để kiểm tra ý nghĩa thống kê sự khác biệt giữa các nhóm khảo sát, không nhằm xác định mối quan hệ nhân quả giữa các biến nghiên cứu.

Bên cạnh khảo sát định lượng, nghiên cứu thực hiện 12 cuộc PVS với cán bộ địa phương (06 người), nghệ nhân (02 người) và người DTTS (04 người) trong tháng 8 và tháng 9 năm 2024. Người tham gia phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích nhằm bảo đảm sự đa dạng về vị trí xã hội, mức độ tham gia và tiếp cận chính sách. Nội dung phỏng vấn tập trung vào nhận thức, trải nghiệm và đánh giá của cộng đồng về tác động của việc thực hiện chính sách bảo tồn văn hóa tại địa phương. Việc tham gia nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, thông tin cá nhân của người trả lời được ẩn danh, mã hóa trong quá trình xử lý và trình bày dữ liệu. Các cuộc PVS được sử dụng nhằm bổ sung và đối chiếu với dữ liệu khảo sát.

Đối với phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu sử dụng các nguồn tài liệu bao gồm các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; các kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý ở tỉnh Lâm Đồng về bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống vùng đồng bào DTTS; các bài báo, tạp chí liên quan đến nghiên cứu. Mục đích sử dụng phương pháp này để làm rõ những tác động của chính sách dân tộc về văn hóa trên lĩnh vực bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống vùng đồng bào DTTS tại Lâm Đồng.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thông tin đối tượng khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát 398 hộ gia đình thuộc sáu DTTS gồm Cơ Ho, Mạ, Chu Ru, Tày, Nùng và Hoa. Trong đó, người Cơ Ho chiếm 54,8% (218 hộ), người Mạ chiếm 13,6% (54 hộ), người Nùng chiếm 9,8% (39 hộ), người Tày chiếm 8,9% (35 hộ), người Chu Ru chiếm 7,5% (30 hộ) và người Hoa chiếm 5,5% (22 hộ). Sau khi thu thập và xử lý dữ liệu, đặc điểm của đối tượng khảo sát cho thấy nữ chiếm 63,1% và nam chiếm 36,9%. Về nghề nghiệp, lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất (77,6%), tiếp đến là lao động tự do (17,8%), trong khi các nhóm nghề nghiệp như công chức, viên chức, kinh doanh, dịch vụ và công nhân chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ. Cơ cấu mẫu khảo sát phản ánh tương đối đặc điểm dân cư và sinh kế của người DTTS tại địa bàn nghiên cứu.

4.2. Các chính sách bảo tồn văn hóa được triển khai tại tỉnh Lâm Đồng

Trong phạm vi nghiên cứu này, các chính sách dân tộc bao gồm hệ thống chính sách cấp trung ương và cấp tỉnh liên quan trực tiếp tới bảo tồn văn hóa vùng đồng bào DTTS. Ở cấp trung ương gồm Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS Việt Nam đến năm 2020”; Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020”; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Ở cấp tỉnh, nghiên cứu tập trung vào các đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng như: Quyết định số 1583/QĐ-UBND năm 2009 về “bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cộng chiêng”; Quyết định số 296/QĐ-UBND năm 2018 về “bảo tồn Không gian văn hóa cộng chiêng”; Quyết định số 450/QĐ-UBND năm 2018 về “bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030”... cùng các kế hoạch triển khai chiến lược công tác dân tộc, tôn vinh nghệ nhân và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh (Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 2021).

Nhìn chung, việc triển khai hệ thống chính sách, kế hoạch, đề án về bảo tồn văn hóa vùng DTTS tại tỉnh Lâm Đồng tập trung vào các lĩnh vực như bảo tồn không gian văn hóa cộng chiêng, phục dựng lễ hội truyền thống, phát triển nghề thủ công truyền thống, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch.

4.3. Tác động tích cực của việc thực hiện chính sách dân tộc về bảo tồn các giá trị văn hóa vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

4.3.1. Tác động của chính sách dân tộc về bảo tồn một số giá trị văn hóa truyền thống

Hoạt động bảo tồn một số giá trị văn hóa truyền thống như bảo tồn nghề thủ công, lễ hội, trang phục và ẩm thực truyền thống của đồng bào DTTS tại tỉnh Lâm Đồng thời gian qua gắn với quá trình triển khai nhiều chính sách, chương trình, đề án bảo tồn văn hóa của trung ương và địa phương. Những chính sách này đã tạo điều kiện cho việc phục hồi, duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng các DTTS.

Theo đánh giá của những người được khảo sát, 69,6% cho rằng các hoạt động này có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Trong khi đó, 27,6% cho rằng chưa có sự thay đổi đáng kể và chỉ 2,8% đánh giá theo chiều hướng giảm. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2021), toàn tỉnh có trên 25 tôn hợp tác, cơ sở dệt thổ cẩm, đan lát, nấu rượu cần tại các huyện Di Linh, Bảo Lâm, v.v.; đồng thời có 33 làng nghề, tiêu biểu là nghề dệt vải của người Cơ Ho Cil, người Mạ và nghề đan lát của người Cơ Ho Srê ở huyện Di Linh. Bên cạnh đó, một số hộ người Cơ Ho tại xã Lộc Tân (huyện Bảo Lâm), xã Đưng K'nơ và thị trấn Lạc Dương vẫn duy trì việc nhuộm sợi, dệt vải và tạo hoa văn truyền thống. Ngoài các sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng như áo, váy, khố và tấm đắp, nhiều sản phẩm còn được trao đổi, buôn bán với khách du lịch trong và ngoài nước... Song song với đó, nhiều nghi lễ và lễ hội truyền thống như *Nhô Wêr* (dẫn nước vào ruộng), *Nhô Rơ he* (mừng lúa mới) của người Cơ Ho và Mạ, lễ hội Lồng Tồng (xuống đồng) của người Tày, Nùng hay trò chơi ném còn của người Thái được tổ chức thường xuyên hơn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, 2024).

Giữa các nhóm dân tộc có sự khác biệt trong đánh giá về hoạt động bảo tồn nghề thủ công, lễ hội, trang phục và ẩm thực. Tỷ lệ lựa chọn phương án “tăng” cao nhất ở người Mạ (98,1%), tiếp đến là Hoa (81,8%), Tày (74,3%) và Cơ Ho (68,3%). Kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc có ý nghĩa thống kê ($p = 0,001$). Dữ liệu PVS góp phần lý giải sự khác biệt này. Một cán bộ địa phương chia sẻ: “...Địa phương có nhiều dân tộc cùng sinh sống, nhưng người Mạ có số lượng đông hơn nên các hoạt động bảo tồn Không gian văn hóa công cộng được tổ chức thường xuyên hơn. Vì vậy, người dân ở cộng đồng này có điều kiện tham gia hơn...” (PVS, nam, 37 tuổi, công chức Ban Văn hóa - Xã hội, xã B'Lá, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 27/8/2024). Tuy nhiên, do quy mô mẫu giữa các dân tộc không đồng đều, kết quả chủ yếu phản ánh xu hướng khác biệt trong đánh giá của các nhóm khảo sát.

Xét theo nhóm tuổi, đánh giá về sự thay đổi trong hoạt động bảo tồn nghề thủ công, lễ hội, trang phục và ẩm thực cũng có sự khác biệt. Tỷ lệ người đánh giá các hoạt động này có xu hướng tăng cao nhất ở nhóm 18 - 24 tuổi (81,4%), tiếp đến là nhóm 25 - 45 tuổi (73,2%), trong khi nhóm 46 - 60 tuổi (66,3%) và trên 60 tuổi (59,3%) có tỷ lệ thấp hơn. Ngược lại, tỷ lệ đánh giá “không thay đổi” chiếm tỷ lệ cao ở nhóm trên 60 tuổi (36,1%). Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,010$). Dữ liệu định tính cho thấy sự khác biệt trên liên quan đến mức độ tham gia các hoạt động văn hóa của từng thế hệ. Một nghệ nhân chia sẻ: “Mỗi khi xã tổ chức hội diễn hay tập luyện công chiêng thì thanh niên với học sinh tham gia rất đông. Người lớn tuổi như tôi chủ yếu hướng dẫn, truyền lại cho lớp trẻ hoặc tham gia khi có lễ hội của địa phương...” (PVS, nam, 57 tuổi, nghệ nhân, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, ngày 28/8/2024). Ý kiến này phần nào lý giải vì sao nhóm 18 - 24 tuổi đánh giá tích cực hơn về những thay đổi trong hoạt động bảo tồn văn hóa. Việc thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa giúp thanh niên dễ nhận thấy những thay đổi trong quá trình thực hiện chính sách, trong khi một số người lớn tuổi chủ yếu giữ vai trò truyền dạy hoặc tham gia vào các dịp lễ hội nên ít có điều kiện tiếp cận thường xuyên với các chương trình bảo tồn văn hóa.

Như vậy, kết quả từ khảo sát, PVS và tài liệu thứ cấp có sự tương đồng, qua đó làm rõ những chuyển biến trong quá trình duy trì và phục hồi một số giá trị văn hóa truyền thống sau khi triển khai chính sách dân tộc. Đồng thời, các nguồn thông tin giúp giải thích những khác biệt trong cách nhìn nhận về hoạt động bảo tồn văn hóa giữa các dân tộc và các nhóm tuổi.

4.3.2. Tác động của chính sách dân tộc đối với việc bảo tồn và truyền dạy nghệ thuật dân gian

Trong thời gian qua, hoạt động bảo tồn và truyền dạy công chiêng, dân ca, nhạc cụ truyền thống được triển khai thông qua các chương trình, dự án phát triển văn hóa vùng DTTS của tỉnh Lâm Đồng, đồng thời nhận được sự hỗ trợ từ Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Theo kết quả khảo sát, 72,1% người được hỏi cho rằng các hoạt động truyền dạy và sử dụng công chiêng, dạy hát dân ca và sử dụng nhạc cụ truyền thống có xu hướng tăng lên; 24,6% nhận định không có nhiều thay đổi và chỉ 3,3% cho rằng các hoạt động này có xu hướng giảm. Trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã mở hơn 70 lớp truyền dạy nhạc cụ truyền thống cho gần 2.000 thanh thiếu niên DTTS; đồng thời hỗ trợ, tái trang bị 57 bộ nhạc cụ truyền thống của các dân tộc Mạ, Cơ Ho, Chu Ru, Tày và Nùng. Bên cạnh đó, nhiều lớp truyền dạy công chiêng tiếp tục được mở tại nhiều địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, 2024). Thông tin từ các cuộc PVS cũng ghi nhận những chuyển biến tích cực trong hoạt động bảo tồn và truyền dạy các loại hình nghệ thuật dân gian. Một cán bộ địa phương cho biết: *“Tại những địa bàn có đông người dân tộc tại chỗ như Cơ Ho, Mạ, v.v. việc duy trì đội công chiêng và nghệ nhân truyền dạy vẫn diễn ra khá thường xuyên. Do đó, việc bảo tồn các giá trị văn hóa có ý nghĩa rất quan trọng vì giúp trao truyền lại cho thế hệ sau những giá trị văn hóa của ông cha họ”* (PVS, nam, 30 tuổi, công chức Ban Văn hóa - Xã hội, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 28/8/2024).

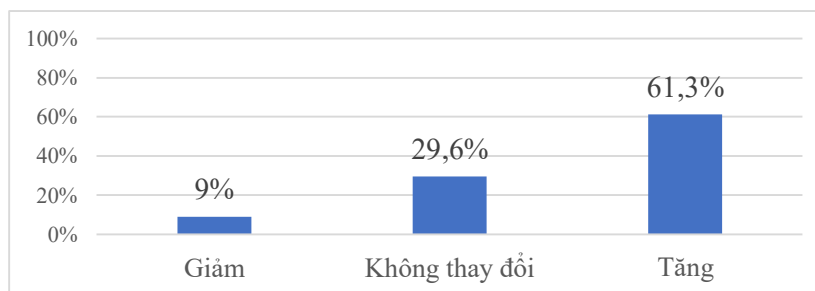
Đánh giá của người dân về sự thay đổi trong hoạt động truyền dạy và sử dụng công chiêng, dân ca và nhạc cụ truyền thống có sự khác biệt giữa các cộng đồng được khảo sát. Tỷ lệ người cho rằng các hoạt động này gia tăng tương đối cao ở người Mạ (94,4%), Tày (74,3%) và Cơ Ho (70,6%). Trong khi đó, người Nùng có tỷ lệ đánh giá “không thay đổi” (43,6%) cao hơn so với các dân tộc còn lại. Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,001 < 0,05$). Trong PVS, nghiên cứu cũng thu được kết quả tương tự: *“Các đội công chiêng của người Mạ ở địa phương đã có từ lâu, người dân tham gia như một phần quen thuộc trong đời sống. Các thôn đều có đội biểu diễn công chiêng, ở thôn 2 có hai đội, thôn 3 cũng có một đội hoạt động thường xuyên. Trong năm nay (năm 2024), địa phương còn tham gia mô hình lưu giữ, bảo tồn và phát huy Không gian văn hóa công chiêng do ngành văn hóa triển khai tại xã Lộc Tân”* (PVS, nam, 57 tuổi, nghệ nhân, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 28/8/2024). Thông tin này giúp lý giải vì sao người Mạ có tỷ lệ đánh giá ở mức “tăng” cao hơn các dân tộc khác.

Các nhóm tuổi có cách nhìn nhận khác nhau về hoạt động truyền dạy và sử dụng công chiêng, dân ca và nhạc cụ truyền thống. Mức đánh giá “tăng” chiếm tỷ lệ cao nhất thuộc nhóm 18 - 24 tuổi (81,4%), sau đó giảm dần ở các nhóm 25 - 45 tuổi (75,9%), 46 - 60 tuổi (70,7%) và trên 60 tuổi (62,0%). Trong khi đó, tỷ lệ đánh giá “không thay đổi” có xu hướng cao hơn ở nhóm người lớn tuổi, đặc biệt là nhóm trên 60 tuổi (36,1%). Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,020 < 0,05$). Một cán bộ địa phương chia sẻ: *“...Thanh niên là lực lượng tham gia khá đông trong các lớp truyền dạy công chiêng. Các nghệ nhân ở địa phương giữ vai trò hướng dẫn và trực tiếp truyền dạy kỹ năng cho thế hệ trẻ...”* (PVS, nam, 30 tuổi, công chức ban Văn hóa - Xã hội, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, ngày 28/8/2024). Dữ liệu PVS cũng phù hợp với kết quả khảo sát. Điều kiện tham gia thường xuyên vào các hoạt động văn hóa giúp nhóm người trẻ tuổi dễ nhận thấy những thay đổi trong công tác bảo tồn hơn so với nhóm người lớn tuổi.

4.3.3. Tác động của chính sách dân tộc đối với bảo tồn tiếng nói và chữ viết dân tộc

Bảo tồn tiếng nói và chữ viết dân tộc là một nội dung gắn với việc duy trì bản sắc văn hóa và trao truyền tri thức văn hóa giữa các thế hệ trong cộng đồng các DTTS. Tại tỉnh Lâm Đồng, nội dung này được triển khai thông qua Chiến lược công tác dân tộc.

Biểu đồ 1: Đánh giá về khả năng đọc, viết chữ DTTS của người DTTS ($n = 398$)



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài, 2024.

Biểu đồ 1 cho thấy, tỉ lệ người biết đọc, viết chữ DTTS có chiều hướng gia tăng chiếm tỉ lệ 61,3%. Qua đánh giá của người dân, việc thực hiện các chính sách về bảo tồn ngôn ngữ bước đầu góp phần duy trì và khuyến khích sử dụng tiếng nói, chữ viết dân tộc trong đời sống các DTTS.

Nhận định về sự gia tăng số người sử dụng và đọc, viết được chữ viết dân tộc có sự khác nhau giữa các dân tộc được khảo sát. Tỉ lệ lựa chọn phương án “tăng” cao nhất ở người Mạ (85,2%), tiếp đến là Hoa (77,3%), Cơ Ho (66,5%) và Nùng (56,4%). Ngược lại, người Chu Ru và Tày ghi nhận tỉ lệ đánh giá “giảm” tương đối cao (40,0%); người Tày đánh giá “không thay đổi” chiếm 45,7%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Xu hướng tương tự cũng xuất hiện khi phân tích theo độ tuổi. Mặc dù tỉ lệ đánh giá “tăng” đều chiếm ưu thế ở tất cả các nhóm tuổi (56,5% đến 64,3%), nhóm 25 - 45 tuổi và 46 - 60 tuổi có tỉ lệ đánh giá “giảm” cao hơn, trong khi nhóm 18 - 24 tuổi và trên 60 tuổi lựa chọn “không thay đổi” có tỉ lệ lớn hơn. Sự khác biệt này cho thấy mức độ tiếp cận và thừa nhận những chuyển biến trong hoạt động bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc giữa các nhóm đối tượng khảo sát. Một cán bộ địa phương chia sẻ: “...Hiện nay các hoạt động bảo tồn và đào tạo tiếng nói, chữ viết tập trung chủ yếu đối với tiếng Cơ Ho và tiếng Mạ. Đối với một số cộng đồng khác, việc duy trì tiếng nói, chữ viết vẫn chủ yếu diễn ra trong gia đình và cộng đồng...” (PVS, nam, 44 tuổi, cán bộ huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 13/8/2024). Dữ liệu khảo sát khá tương đồng với thông tin thu được từ PVS. Việc triển khai các lớp về bảo tồn tiếng nói, chữ viết tập trung nhiều hơn ở cộng đồng Cơ Ho và Mạ, từ đó giúp người dân dễ nhận thấy những thay đổi trong quá trình thực hiện chính sách. Ngược lại, ở những cộng đồng mà việc sử dụng tiếng nói, chữ viết chủ yếu diễn ra trong phạm vi gia đình hoặc cộng đồng nhỏ, mức độ ghi nhận sự thay đổi thấp hơn.

4.3.4. Tác động của chính sách dân tộc đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa

Việc đầu tư các thiết chế văn hóa ở cơ sở được thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia và các kế hoạch bảo tồn văn hóa của tỉnh. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao tại địa phương đã có những chuyển biến tích cực. Trong đó, 74,4% số người được khảo sát cho rằng hoạt động xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng và sân vận động có xu hướng tăng lên. Đây là những không gian quan trọng phục vụ sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và góp phần gìn giữ các

giá trị văn hóa truyền thống của người DTTS. Thực tế, tỉnh Lâm Đồng đã từng bước đầu tư xây dựng nhiều không gian sinh hoạt cộng đồng, tiêu biểu là Làng văn hóa truyền thống dân tộc Cơ Ho tại thôn Klong Trao, xã Gung Ré, huyện Di Linh. Theo số liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng (2024), toàn tỉnh có 1.211/1.367 thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng (88,6%), hơn 1.143 sân tập thể thao và một số thôn vùng DTTS được hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, 2024). Một cán bộ địa phương chia sẻ: “*Từ khi triển khai chính sách, đời sống văn hóa của bà con có nhiều chuyển biến hơn trước. Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng được sử dụng thường xuyên hơn để tổ chức họp thôn, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, tổ chức lễ hội và các hoạt động chung của cộng đồng...*” (PVS, nam, 37 tuổi, công chức Ban Văn hóa - Xã hội, xã B’Lá, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 27/8/2024). Nhận định này phù hợp với kết quả khảo sát, qua đó cho thấy các thiết chế văn hóa ngày càng được khai thác trong tổ chức các hoạt động văn hóa tại vùng DTTS.

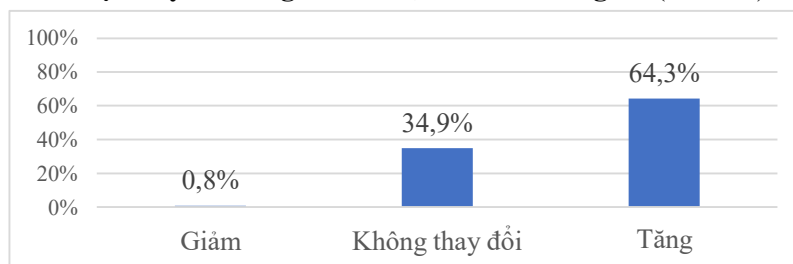
Phần lớn người DTTS đánh giá hoạt động xây dựng, tu sửa nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng và sân vận động được triển khai thường xuyên hơn (74,4%). Tỷ lệ đánh giá “tăng” xuất hiện ở tất cả các dân tộc. Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt trong đánh giá giữa các dân tộc có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Một nghệ nhân chia sẻ: “*Trước đây nhà văn hóa chủ yếu dùng để họp thôn, buôn, còn những năm gần đây địa phương tổ chức thêm nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng và tập luyện công chiêng...*” (PVS, nam, 55 tuổi, nghệ nhân, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, phỏng vấn ngày 12/9/2024). Ý kiến này cho thấy việc gia tăng các hoạt động văn hóa tại nhà văn hóa và nhà sinh hoạt cộng đồng là một trong những cơ sở để người dân đánh giá tích cực hơn về quá trình đầu tư và sử dụng các thiết chế văn hóa ở địa phương. Theo nhóm tuổi, tỷ lệ người cho rằng các hoạt động này được triển khai nhiều hơn dao động từ 69,6% đến 77,7%, trong đó cao nhất ở nhóm 25 - 45 tuổi (77,7%) và thấp nhất ở nhóm 46 - 60 tuổi (69,6%). Tuy nhiên, mức độ chênh lệch giữa các nhóm tuổi không lớn và kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p = 0,609$).

Nhìn chung, sự tương đồng giữa dữ liệu khảo sát, PVS và dữ liệu thứ cấp cho thấy việc đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa đã mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa tại cơ sở. Tuy nhiên, mức độ phát huy hiệu quả của các thiết chế này còn phụ thuộc vào điều kiện vận hành, nguồn lực duy trì hoạt động và sự tham gia của cộng đồng ở từng địa phương.

4.3.5. Tác động của chính sách dân tộc đối với việc phục dựng lễ hội và trò chơi dân gian

Việc sưu tầm, phục dựng lễ hội truyền thống và trò chơi dân gian được triển khai thông qua các chương trình bảo tồn văn hóa của địa phương, đồng thời gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Biểu đồ 2: Đánh giá về việc sưu tầm, phục dựng lễ hội truyền thống tiêu biểu, trò chơi dân gian ($n = 398$)



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài, 2024.

Từ biểu đồ 2 cho thấy, 64,3% người được khảo sát ghi nhận sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với các hoạt động này. Cùng với việc phục dựng lễ hội, một số địa phương còn triển khai các hoạt động bảo tồn nghề thủ công truyền thống của người DTTS, trong đó có nghề thủ công của người Chu Ru. Đồng thời, nhiều hoạt động sưu tầm, tư liệu hóa và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể cũng được triển khai nhằm lưu giữ các giá trị văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Thời gian qua, một số lễ hội truyền thống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được phục dựng và tổ chức trở lại thông qua các chương trình, đề án bảo tồn văn hóa của địa phương (Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 2021). Bên cạnh các hoạt động do địa phương triển khai, quá trình bảo tồn văn hóa còn thể hiện qua hoạt động sưu tầm, lưu giữ hiện vật văn hóa truyền thống của cộng đồng. Tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, cộng đồng địa phương đã sưu tầm và lưu giữ nhiều hiện vật văn hóa như: bộ đàn đá, chum, công chiêng, đàn T'rung, bình rượu, chén, bộ vũ khí phòng thân và săn bắn, v.v. (Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương, 2024).

Theo chia sẻ của cán bộ địa phương: “Nhờ các chương trình và dự án bảo tồn văn hóa, địa phương có điều kiện sưu tầm, phục dựng một số lễ hội truyền thống tiêu biểu và trò chơi dân gian của người DTTS. Các hoạt động này góp phần khôi phục không gian sinh hoạt văn hóa và tăng cường sự tham gia của cộng đồng” (PVS, nữ, 43 tuổi, cán bộ huyện Đơn Dương, phỏng vấn ngày 06/8/2024).

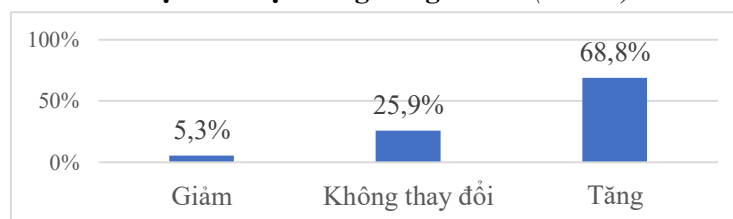
Mức độ nhìn nhận về hoạt động sưu tầm, phục dựng lễ hội truyền thống và trò chơi dân gian có sự khác nhau giữa các dân tộc. Tỷ lệ đánh giá các hoạt động này có xu hướng tăng ở người Hoa (90,9%), Mạ (90,7%), Tày (74,3%) và Cơ Ho (58,7%). Trong khi đó, nhóm Chu Ru và Nùng đánh giá “không thay đổi” tương đối cao, lần lượt là 43,3% và 51,3%; ý kiến đánh giá theo xu hướng giảm chỉ xuất hiện ở nhóm Chu Ru (10,0%). Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$), phản ánh mức độ ghi nhận tác động của chính sách không đồng đều giữa các cộng đồng dân tộc được khảo sát. Ngược lại, đánh giá của các nhóm tuổi tương đối đồng nhất. Tỷ lệ cho rằng các hoạt động này có gia tăng dao động từ 66,7% đến 71,4%, trong khi tỷ lệ nhận định “không thay đổi” hoặc “giảm” không có sự chênh lệch đáng kể. Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê ($p = 0,732$), cho thấy nhận thức về sự thay đổi của các hoạt động này khá tương đồng giữa các thế hệ trong mẫu khảo sát.

Qua đối chiếu kết quả khảo sát với dữ liệu thứ cấp cho thấy hoạt động sưu tầm, phục dựng lễ hội truyền thống và trò chơi dân gian đã được triển khai tại nhiều địa phương, qua đó duy trì không gian sinh hoạt văn hóa và tạo điều kiện để các giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được lưu giữ trong cộng đồng.

4.3.6. Tác động của chính sách dân tộc đối với hoạt động biểu diễn văn hóa bằng tiếng DTTS

Nhiều hoạt động giao lưu và trình diễn nghệ thuật dân gian được tổ chức trong khuôn khổ các sự kiện văn hóa cấp tỉnh và địa phương, tạo điều kiện để người DTTS sử dụng tiếng nói của dân tộc mình trong các hoạt động của cộng đồng.

Biểu đồ 3: Đánh giá về hoạt động biểu diễn văn hóa, văn nghệ được thể hiện bằng tiếng DTTS ($n=398$)



Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài, 2024.

Biểu đồ 3 cho thấy, đa số người dân đánh giá hoạt động biểu diễn văn hóa bằng tiếng DTTS được tổ chức thường xuyên hơn chiếm tỉ lệ 68,8%. Các hoạt động này tạo điều kiện để nghệ nhân và người dân tham gia biểu diễn dân ca, dân vũ, kể chuyện dân gian và giới thiệu văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Một người dân địa phương chia sẻ: *“Các bạn trẻ bây giờ thích nhạc sôi động, nên các tiết mục văn nghệ cũng có thêm phần phối nhạc hiện đại để phù hợp hơn. Tuy nhiên, nhiều bài hát vẫn sử dụng tiếng dân tộc trong lời ca, vừa tạo sự gần gũi với giới trẻ, vừa giúp duy trì bản sắc văn hóa của cộng đồng”* (PVS, nam, 50 tuổi, công chức Ban Văn hóa - Xã hội, xã Liên Đàm, huyện Di Linh, phỏng vấn ngày 09/9/2024). Ý kiến này cho thấy việc kết hợp các yếu tố hiện đại với ngôn ngữ đã tạo thêm cơ hội để tiếng dân tộc tiếp tục được sử dụng trong các đợt sinh hoạt văn hóa.

Thông tin thu thập được cho thấy phần lớn người dân nhận định hoạt động biểu diễn văn nghệ bằng tiếng dân tộc được ghi nhận tăng lên. Số người đánh giá “tăng” đạt mức cao ở người Mạ (98,1%), Tày (82,9%) và Hoa (81,8%). Ngược lại, người Chu Ru ghi nhận tỉ lệ đánh giá “tăng” và “không thay đổi” ở mức ngang nhau (43,3%). Kiểm định Chi-square xác nhận sự khác biệt này giữa các nhóm dân tộc có ý nghĩa thống kê ($p = 0,039$). Do đặc thù phân phối mẫu khác nhau, kết quả này chủ yếu phản ánh sự khác biệt trong góc nhìn giữa các nhóm được khảo sát. Một người dân chia sẻ: *“Mấy năm gần đây, xã thường xuyên tổ chức hội diễn văn nghệ bằng tiếng dân tộc. Mỗi lần tổ chức bà con đều đến tham gia và cổ vũ, động viên, nên các hoạt động văn hóa nhộn nhịp hơn trước”* (PVS, nữ, 38 tuổi, nông dân, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 28/8/2024). Sự tương đồng giữa kết quả khảo sát và dữ liệu PVS cho thấy tần suất tổ chức các hoạt động văn hóa bằng tiếng dân tộc có ảnh hưởng đến mức độ ghi nhận tác động của chính sách giữa các cộng đồng được khảo sát.

Ở tất cả các nhóm tuổi, đa số người trả lời đều đánh giá hoạt động này ngày càng tăng lên. Tỉ lệ đánh giá “tăng” dao động từ 66,7% đến 71,4%, cao nhất ở nhóm 25 - 45 tuổi (71,4%) và thấp nhất ở nhóm 46 - 60 tuổi (66,7%). Phép kiểm Chi-square cho thấy sự khác biệt về đánh giá giữa các nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê ($p = 0,732$). Kết quả này cho thấy các hoạt động bảo tồn văn hóa được triển khai trong thời gian qua đã tạo được sự quan tâm tương đối đồng đều giữa các nhóm tuổi trong cộng đồng DTTS.

Có thể thấy, các nguồn dữ liệu đều phản ánh các hoạt động bảo tồn ngôn ngữ đã giúp duy trì việc sử dụng tiếng nói dân tộc trong cộng đồng DTTS, đồng thời hỗ trợ quá trình trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống giữa các thế hệ.

4.3.7. Tác động của chính sách dân tộc đối với bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch

Các hoạt động bảo tồn văn hóa truyền thống của người DTTS tại tỉnh Lâm Đồng dần được kết hợp với phát triển du lịch tại địa phương. Một số hoạt động như biểu diễn công chiêng, dệt thổ cẩm, tổ chức lễ hội truyền thống và giới thiệu ẩm thực dân tộc được đưa vào các hoạt động trải nghiệm văn hóa phục vụ khách du lịch. Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình này cũng được người dân ghi nhận có những chuyển biến tích cực. Có 61,3% người dân đánh giá mức độ kết nối giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng trong bảo tồn giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch, trong khi 38,7% cho rằng lĩnh vực này chưa có nhiều thay đổi. Trong thời gian qua, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người DTTS tỉnh Lâm Đồng đã được khai thác phục vụ hoạt động du lịch như ẩm thực truyền thống, trò chơi dân gian, sản vật địa phương và các làng nghề truyền thống tại khu du lịch xã Liên Đàm (huyện Di Linh), xã Lộc Tân (huyện Bảo Lâm), v.v.. Qua đó, các không gian văn hóa của người DTTS dần trở thành điểm tham quan và trải nghiệm văn hóa đối với du khách khi đến Lâm Đồng. Bên cạnh đó, các hoạt động biểu diễn văn hóa dân gian và nghệ thuật công chiêng tại các khu, điểm du lịch ngày càng đa dạng hơn về hình thức và nội dung. Trên địa bàn tỉnh cũng hình thành nhiều đơn vị tổ chức sự kiện, biểu diễn nghệ thuật và quảng bá văn hóa địa phương. Các sản phẩm

du lịch, làng nghề và sản phẩm thủ công mỹ nghệ của người DTTS ngày càng phong phú hơn, tiêu biểu như các sản phẩm dệt thổ cẩm của Hợp tác xã dệt thổ cẩm xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm. Cùng với đó, sự phát triển của các loại hình du lịch dựa trên tài nguyên tự nhiên và văn hóa địa phương đã tạo ra không gian mới để các giá trị văn hóa của các dân tộc được giới thiệu, thực hành và khai thác phục vụ phát triển du lịch địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, 2024).

Phần lớn người được khảo sát cho rằng các hoạt động bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch đã có những chuyển biến so với trước đây. Tuy nhiên, mức độ đánh giá có sự khác biệt giữa các cộng đồng DTTS. Trong đó, tỉ lệ lựa chọn phương án “tăng” ở người Mạ đạt 85,2%, cao hơn các dân tộc còn lại; trong khi ở người Chu Ru, tỉ lệ cho rằng hoạt động này “không thay đổi” chiếm 60,0%. Kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Sự khác biệt trên liên quan đến điều kiện phát triển du lịch và mức độ tham gia của từng cộng đồng vào các hoạt động du lịch văn hóa tại địa phương. Đối với mức độ liên kết giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng trong bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch, phần lớn người dân ở các nhóm tuổi đều ghi nhận xu hướng gia tăng, với tỉ lệ dao động từ 58,3% đến 65,1%. Mặc dù tỉ lệ lựa chọn phương án “tăng”, nhưng sự chênh lệch giữa các nhóm không đáng kể. Kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt theo độ tuổi không có ý nghĩa thống kê ($p = 0,780$), cho thấy các nhóm tuổi có cách nhìn nhận khá tương đồng về những thay đổi trong hoạt động liên kết bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch.

Dữ liệu khảo sát và dữ liệu thứ cấp đều phản ánh chính sách dân tộc đã tạo điều kiện thúc đẩy bảo tồn văn hóa của các DTTS gắn với phát triển du lịch tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Thêm vào đó, sự khác biệt trong đánh giá giữa các cộng đồng dân tộc có liên quan đến cơ hội tham gia của người dân vào các hoạt động văn hóa phục vụ du lịch tại từng địa phương.

4.4. Một số hạn chế về tác động của chính sách trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống vùng DTTS tại tỉnh Lâm Đồng

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai chính sách bảo tồn văn hóa tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng vẫn bộc lộ một số hạn chế.

Thứ nhất, hiệu quả của chính sách chưa đồng đều giữa các lĩnh vực văn hóa cũng như giữa các nhóm đối tượng thụ hưởng. Những nơi có đông người dân tộc tại chỗ như người Mạ, Cơ Ho thường có điều kiện thuận lợi hơn trong việc duy trì các đội công chiêng và lực lượng nghệ nhân truyền dạy. Ngược lại, tại một số khu vực có quy mô dân cư nhỏ, việc gìn giữ và trao truyền các loại hình nghệ thuật truyền thống vẫn phụ thuộc đáng kể vào sự hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền cơ sở.

Thứ hai, các lĩnh vực như truyền dạy công chiêng, phục dựng lễ hội, đầu tư thiết chế văn hóa và tổ chức biểu diễn bằng tiếng dân tộc được người dân ghi nhận khá tích cực, trong khi công tác gìn giữ tiếng nói và chữ viết dân tộc vẫn còn gặp nhiều trở ngại. Mặc dù thời gian qua Đảng, Nhà nước ta và các cấp chính quyền địa phương trong tỉnh Lâm Đồng đã quan tâm đến việc bảo tồn ngôn ngữ các dân tộc, nhưng cơ hội để người dân tiếp cận việc học và sử dụng chữ viết dân tộc còn hạn chế. Các lớp giảng dạy tiếng nói, chữ viết dân tộc chưa được tổ chức rộng rãi mà chủ yếu tập trung vào một số đối tượng như cán bộ, công chức và viên chức.

Một người dân tại xã Lộc Tân chia sẻ: “...Theo em thấy thì việc bảo tồn tiếng nói và chữ viết của dân tộc em (người Mạ) vẫn chưa được triển khai rộng rãi. Hiện nay, các lớp dạy tiếng dân tộc nếu có thì chủ yếu dành riêng cho cán bộ, công chức, viên chức hoặc một số đối tượng nhất định. Người dân bình thường ít có cơ hội tham gia học tập. Phần lớn những bạn trẻ như em chỉ biết tiếng dân tộc mình thông qua việc tự học hoặc học hỏi trong quá trình tham gia sinh hoạt văn hóa như hát dân ca, tham gia các chương trình văn hóa...” (PVS, nữ, 38 tuổi, nông dân, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 28/8/2024).

Quan điểm trên tương đồng với chia sẻ của một cán bộ địa phương: “...Hiện nay, việc truyền dạy chữ viết dân tộc chủ yếu được triển khai đối với cán bộ, công chức, viên chức. Trong khi đó, học sinh chưa có chương trình học chính thức về tiếng nói, chữ viết dân tộc trong các trường học. Địa phương cũng mong muốn đưa nội dung này vào giảng dạy, tuy nhiên việc triển khai còn phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước và đưa vào chương trình giáo dục thì phải có giáo viên...” (PVS, nam, 44 tuổi, cán bộ huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 13/8/2024).

Thứ ba, khả năng tiếp cận và hưởng lợi từ chính sách còn có sự khác nhau giữa các dân tộc và các nhóm tuổi. Một số dân tộc như Cơ Hơ, Mạ ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực hơn trong việc gìn giữ nghề thủ công truyền thống, truyền dạy công chiêng hoặc gắn kết văn hóa với phát triển du lịch.

Theo chia sẻ của một cán bộ địa phương: “...Việc sưu tầm, phục dựng lễ hội truyền thống và trò chơi dân gian trên địa bàn huyện Đơn Dương vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai. Một số xã thiếu nguồn lực đầu tư, thiếu nghệ nhân và người am hiểu văn hóa để tham gia hướng dẫn, phục dựng các nghi lễ và trò chơi dân gian. Bên cạnh đó, mức độ quan tâm và tham gia của người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên còn chưa đồng đều. Do đó, tác động của chính sách bảo tồn văn hóa còn có sự chênh lệch nhất định, nhiều hoạt động mới chỉ được tổ chức theo từng đợt hoặc gắn với các chương trình có sự hỗ trợ mà chưa duy trì thường xuyên trong cộng đồng DTTS...” (PVS, nữ, 43 tuổi, cán bộ huyện Đơn Dương, phỏng vấn ngày 06/8/2024).

Thứ tư, mặc dù nhiều nhà văn hóa và nhà sinh hoạt cộng đồng đã được xây dựng hoặc nâng cấp, nhưng điều kiện khai thác tại một số nơi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

Một cán bộ huyện cho biết: “...Ở một số xã, nhà văn hóa và nhà sinh hoạt cộng đồng được sử dụng khá thường xuyên cho sinh hoạt văn nghệ, lễ hội, họp thôn hay tập luyện công chiêng. Nhưng cũng có nơi điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, thiếu âm thanh, trang thiết bị hoặc không gian nên việc tổ chức hoạt động văn hóa chưa diễn ra thường xuyên...” (PVS, nam, 44 tuổi, cán bộ huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 14/8/2024).

Tương tự, một cán bộ xã B’Lá chia sẻ: “Địa phương vẫn còn thiếu trang thiết bị, âm thanh và kinh phí duy trì hoạt động hoặc nguồn lực tổ chức, nên việc khai thác các thiết chế văn hóa chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thường xuyên của người dân” (PVS, nam, 37 tuổi, công chức Ban Văn hóa - Xã hội, xã B’Lá, huyện Bảo Lâm, phỏng vấn ngày 27/8/2024).

Thứ năm, việc gìn giữ di sản văn hóa của các DTTS vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn hỗ trợ của Nhà nước và các chương trình, dự án của tỉnh. Hạn chế này thể hiện khá rõ trong việc gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch. Mối liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng trong khai thác các giá trị văn hóa phục vụ du lịch vẫn chưa thật sự bền vững.

Một cán bộ huyện Di Linh cho biết: “Hiện tại, chỉ có Đà Lạt là phát triển du lịch, còn ở các địa phương khác, trong đó có Di Linh chưa có nhiều doanh nghiệp hoặc cá nhân đầu tư với quy mô lớn hay khai thác các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch. Việc liên kết chủ yếu là sự phối hợp giữa các điểm du lịch với các câu lạc bộ công chiêng để phục vụ nhu cầu trải nghiệm văn hóa của du khách” (PVS, nam, 38 tuổi, cán bộ huyện Di Linh, phỏng vấn ngày 12/8/2024).

Một nghệ nhân tại xã Bảo Thuận cũng chia sẻ: “Các hoạt động biểu diễn công chiêng hay văn nghệ phục vụ khách du lịch cũng có, nhưng không diễn ra thường xuyên, chủ yếu khi có đoàn khách, sự kiện hoặc chương trình của địa phương, doanh nghiệp đặt thì bà con mới tham gia biểu diễn” (PVS, nam, 55 tuổi, nghệ nhân, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, phỏng vấn ngày 12/9/2024).

Những hạn chế trong tác động của chính sách bảo tồn văn hóa tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng gắn với nhiều yếu tố như nguồn lực đầu tư, năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở, sự khác biệt về khả năng tiếp cận chính sách và mức độ tham gia của cộng đồng trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

4.5. Thảo luận và hàm ý chính sách

Việc triển khai chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng đã góp phần duy trì và phục hồi nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS. Phần lớn người dân ghi nhận xu hướng gia tăng của các lĩnh vực như truyền dạy công chiêng, gìn giữ nghề thủ công, phục dựng lễ hội, biểu diễn văn nghệ bằng tiếng dân tộc và đầu tư thiết chế văn hóa. Tuy nhiên, tác động của chính sách chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, các dân tộc và các nhóm tuổi. Các cộng đồng Mạ và Cơ Ho nhận thấy có nhiều chuyển biến tích cực hơn và cho thấy vai trò của nền tảng văn hóa sẵn có cũng như mức độ tham gia của cộng đồng trong quá trình bảo tồn văn hóa. Ngược lại, ở một số dân tộc có quy mô dân số nhỏ hoặc điều kiện tổ chức sinh hoạt văn hóa còn hạn chế, mức độ tham gia của người dân cũng thấp hơn.

Người trẻ tuổi thường đánh giá mức độ chuyển biến tích cực cao hơn ở một số nội dung như truyền dạy công chiêng, biểu diễn văn nghệ và tham gia lễ hội. Thanh niên hiện có nhiều cơ hội tham gia các lớp truyền dạy, hội diễn văn hóa và các chương trình do địa phương, trường học hoặc các tổ chức đoàn thể phối hợp thực hiện. Mức độ ghi nhận tác động của chính sách có liên quan đến cơ hội tham gia của từng thế hệ.

Những chuyển biến trong bảo tồn tiếng nói và chữ viết dân tộc chưa rõ nét như ở các lĩnh vực văn hóa khác. Cơ hội tiếp cận các lớp học ngôn ngữ dân tộc còn hạn chế và chủ yếu tập trung vào một số đối tượng như cán bộ, công chức, viên chức. Tại một số địa bàn, việc khai thác các thiết chế văn hóa chưa hiệu quả do còn thiếu kinh phí, trang thiết bị và nhân lực duy trì hoạt động. Ngoài ra, quá trình bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, trong khi sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng chưa thật sự nổi bật.

Vai trò chủ thể của cộng đồng được thể hiện thông qua việc người dân trực tiếp tham gia duy trì, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Cách tiếp cận này tương đồng với cách tiếp cận quản trị di sản của tác giả Phạm Quỳnh Phương (2022), trong đó nhấn mạnh vai trò của chủ thể trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tuy nhiên, việc triển khai các hoạt động bảo tồn văn hóa vẫn chưa đồng đều giữa các địa phương. Ở một số nơi, hoạt động bảo tồn chủ yếu tập trung vào sưu tầm, lưu giữ hiện vật văn hóa, phục dựng lễ hội và duy trì các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống.

Các phát hiện của bài viết cũng có nhiều điểm tương đồng với công trình của Nguyễn Duy Dũng (2025) về bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của các DTTS ở Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch hiện nay: việc phục dựng lễ hội truyền thống, duy trì biểu diễn công chiêng và phát triển nghề thủ công đã góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa của người DTTS. Tương tự, kết quả khảo sát tại Lâm Đồng cũng ghi nhận xu hướng gia tăng của các hoạt động bảo tồn nghề thủ công, lễ hội truyền thống và truyền dạy công chiêng. Tuy nhiên, trong khi tác giả Nguyễn Duy Dũng (2025) khẳng định phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa đã góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng các DTTS ở Tây Nguyên, kết quả nghiên cứu này cho thấy mức độ tham gia và hưởng lợi từ hoạt động du lịch văn hóa của người DTTS tại Lâm Đồng còn chưa tương xứng với tiềm năng. Sự khác biệt này xuất phát từ thực trạng người DTTS tại Lâm Đồng chủ yếu tham gia biểu diễn công chiêng trong hoạt động du lịch văn hóa, trong khi vai trò của họ ở các khâu phát triển sản phẩm, cung ứng dịch vụ du lịch còn khá mờ nhạt.

Trên cơ sở tổng hợp các nguồn dữ liệu, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trong bảo tồn văn hóa truyền thống vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới.

Thứ nhất, việc triển khai chính sách cần được thiết kế linh hoạt theo đặc điểm của từng dân tộc và từng địa bàn, thay vì áp dụng đồng nhất. Đối với các cộng đồng Mạ và Cơ Ho, nơi các lễ hội truyền thống, nghề thủ công và câu lạc bộ công chiêng vẫn được duy trì tương đối thường xuyên, cần chú trọng hỗ trợ các hình thức trao truyền văn hóa

trong cộng đồng và phát huy vai trò của nghệ nhân. Đối với các địa bàn có quy mô dân cư nhỏ hoặc mức độ tham gia còn thấp, cần ưu tiên nguồn lực và phương thức tổ chức phù hợp nhằm mở rộng cơ hội tham gia các hoạt động bảo tồn văn hóa.

Thứ hai, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng cần phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương mở các lớp học về tiếng nói và chữ viết dân tộc cho người DTTS tại những địa bàn có mức độ tham gia thấp, đặc biệt ở các cộng đồng Chu Ru, Tày. Bên cạnh đó, cần tiếp tục duy trì các lớp truyền dạy công chiêng, nghề thủ công và các loại hình văn hóa truyền thống nhằm bảo tồn di sản văn hóa.

Thứ ba, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở theo hướng gắn đầu tư với khai thác và sử dụng thường xuyên. Việc xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng cần đi kèm với kinh phí duy trì hoạt động, trang thiết bị và nhân lực phụ trách, đồng thời tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, truyền dạy và sinh hoạt cộng đồng nhằm phát huy hiệu quả của các thiết chế này trong bảo tồn văn hóa truyền thống.

Thứ tư, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa chính quyền địa phương, cộng đồng và doanh nghiệp trong bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch. Đối với những địa bàn có tiềm năng du lịch văn hóa, cần tạo điều kiện để cộng đồng DTTS tham gia nhiều hơn vào quá trình xây dựng sản phẩm du lịch, tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng và thụ hưởng các lợi ích từ khai thác giá trị văn hóa. Đồng thời, việc theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện chính sách theo từng địa bàn, từng nhóm dân tộc sẽ giúp cơ quan quản lý điều chỉnh nội dung triển khai phù hợp hơn với điều kiện thực tế.

5. Kết luận

Nghiên cứu phân tích tác động của việc thực hiện chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống tại vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng thông qua kết hợp khảo sát, PVS và phân tích tài liệu. Điểm mới của nghiên cứu là sử dụng đồng thời dữ liệu định lượng và định tính để làm rõ những chuyển biến trong các lĩnh vực như bảo tồn nghề thủ công truyền thống, truyền dạy công chiêng, phục dựng lễ hội, duy trì tiếng nói và chữ viết dân tộc, xây dựng thiết chế văn hóa và gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch.

Trong thời gian qua, việc triển khai chính sách dân tộc gắn với quá trình duy trì và phục hồi nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người DTTS. Người dân ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực trong công tác bảo tồn văn hóa tại địa phương. Tuy nhiên, mức độ ghi nhận những chuyển biến này chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, các dân tộc và các nhóm tuổi. Những khác biệt đó phản ánh sự khác nhau về điều kiện triển khai, cơ hội tham gia của mỗi cộng đồng và khả năng tiếp cận các chương trình bảo tồn ở từng địa bàn. Bên cạnh đó, bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch vẫn là những nội dung cần tiếp tục được quan tâm.

Từ những phát hiện trên, việc thực hiện chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa cần được triển khai linh hoạt theo đặc điểm của từng cộng đồng và từng địa phương, đồng thời phát huy vai trò của nghệ nhân, người có uy tín và cộng đồng dân cư trong quá trình gìn giữ, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Đây cũng là cơ sở thực tiễn phục vụ việc hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện chính sách bảo tồn văn hóa tại vùng DTTS trong giai đoạn tiếp theo.

Nghiên cứu này dựa trên đánh giá và cảm nhận của người DTTS về những thay đổi trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa sau quá trình triển khai chính sách dân tộc. Vì vậy, các phát hiện chủ yếu ở dạng mô tả, phản ánh mức độ ghi nhận của cộng đồng thụ hưởng đối với những thay đổi trong hoạt động bảo tồn văn hóa. Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện các nghiên cứu với phạm vi rộng hơn nhằm đánh giá toàn diện việc thực hiện chính sách dân tộc trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tại tỉnh Lâm Đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng. (2018). *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc* (Chương trình bồi dưỡng chuyên đề dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
2. Chính phủ. (14/5/2016). *Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* (Số: 34/2016/NĐ-CP). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-34-2016-ND-CP-quy-dinh-chi-tiet-bien-phap-thi-hanh-luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-312070.aspx>
3. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. (2023). *Niên giám thống kê Lâm Đồng năm 2022*. Lâm Đồng.
4. Nguyễn Duy Dũng. (2025). Bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch hiện nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trưng Vương*, 1(2), 1 - 5. <https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i2.a24>.
5. Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hòa (2013). *Đại cương về chính sách công*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Nguyễn Thị Hiền. (2022). Nhận diện và vai trò của cộng đồng đối với di sản. *Dân tộc học*, 1, 73 - 83.
7. Nguyễn Thị Thái Lan (chủ biên). (2021). *Phân tích chính sách và đánh giá tác động về xã hội của chính sách*. Nxb. Hồng Đức.
8. Phạm Quỳnh Phương. (2022). Kinh tế học di sản: Vốn văn hóa, định giá di sản và những thách thức. *Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số tháng 2/2022, 4 - 6.
9. Quốc hội. (28/11/2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>
10. Quốc hội. (23/11/2024). *Luật Di sản văn hóa* (Số: 45/2024/QH15). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-Di-san-van-hoa-2024-so-45-2024-QH15-583769.aspx>
11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng. (2024). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*. Lâm Đồng.
12. Thủ tướng Chính phủ. (27/7/2011). *Quyết định phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”* (Số: 1270/QĐ-TTg). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-1270-QĐ-TTg-phe-duyet-De-an-Bao-ton-phat-trien-van-hoa-dan-toc-127103.aspx>
13. Thủ tướng Chính phủ. (12/3/2013). *Quyết định phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020* (Số: 449/QĐ-TTg). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-449-QĐ-TTg-nam-2013-phe-duyet-Chien-luoc-cong-tac-dan-toc-den-2020-175923.aspx>
14. Thủ tướng Chính phủ. (14/10/2021). *Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025* (Số: 1719/QĐ-TTg). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Quyết-dinh-1719-QĐ-TTg-2021-Chuong-trình-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dan-toc-thieu-so-491217.aspx>
15. Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương. (2024). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng*. Đơn Dương.
16. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. (13/9/2021). *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Luật Di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*. Lâm Đồng.